

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN TỊNH  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 8 - 2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.
2. Ông Võ Tấn Trung.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Lưu Tấn Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1990, có mặt.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 5, A, thôn T1, xã T2, huyện S, tỉnh Q;  
địa chỉ: Đội 10, Khu dân cư C, phường Tr, thành phố Q, tỉnh Q.

- *Bị đơn:* Anh Lê Ngọc Q1, sinh năm 1982, vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 5, A, thôn T1, xã T2, huyện S, tỉnh Q.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/01/2022, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đề ngày 18/3/2022, tại các văn bản tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Lê Ngọc Q1, trước khi kết hôn, có tự nguyện tìm hiểu trước, được hai bên gia đình cho phép tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2 ngày 21/9/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, gia đình đã động viên, khuyên bảo nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, nên chị dẫn cháu Lê Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 02/10/2014 về phía mẹ để chị ở từ tháng 01 năm 2022 đến nay, hiện nay anh Q1 và chị cũng muốn giải thoát cho nhau để ổn định cuộc sống. Do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Ngọc Q1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 đứa con chung tên Lê Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 05/8/2010 và Lê Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 02/10/2014. Hiện nay cháu Kh đang ở với anh Q1, cháu N đang do chị nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, giao cháu Kh cho anh Q1 nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh Q1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn: Anh Lê Ngọc Q1 vắng mặt tại phiên tòa, không có bản trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã giao Thông báo thụ lý vụ án cho anh Lê Ngọc Q1 nhận, nhưng anh Q1 không viết bản tự khai. Tòa án đã Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tiến hành giao hợp lệ cho anh Q1 theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nhưng anh Q1 không chấp hành, nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, phiên tòa được mở vào ngày 18/7/2022, đã giao giấy triệu tập hợp lệ cho anh Q1, anh Q1 vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 1 Điều 227, 233, 235 của Bộ luật Tố tụng

Dân sự, Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 17/8/2022 và đã giao giấy triệu tập cho anh Q1 theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ hai vào ngày 17/8/2022 anh Q1 vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Ngọc Q1.

## **[2] Về nội dung vụ án:**

**[2.1] Về quan hệ hôn nhân:** Chị T và anh Q1 kết hôn trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2 ngày 21/9/2010. Chị T và anh Q1 là vợ chồng hợp pháp.

Xét thấy: Trong quá trình chung sống chị T và anh Q1 sống không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, gia đình đã động viên, khuyên bảo nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được nên chị dẫn cháu Lê Nguyễn Ngọc N về phía mẹ để chị ở từ tháng 01 năm 2022 đến nay, phần ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh Q1 và chị T đã đến mức lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Cho chị Nguyễn Thị Minh T ly hôn với anh Lê Ngọc Q1 là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**[2.2] Về con chung:** Chị T và anh Q1 có 02 người con chung tên Lê Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 05/8/2010 và Lê Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 02/10/2014.

Xét thấy: Hiện nay cháu Lê Nguyễn Anh Kh đang do anh Q1 nuôi dưỡng; cháu Lê Nguyễn Ngọc N đang do chị T nuôi dưỡng và đang có cuộc sống ổn định. Vì vậy nên giao cháu Lê Nguyễn Anh Kh cho anh Q1 tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Lê Nguyễn Ngọc N cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

**[2.3] Về tài sản chung:** Chị T trình bày chị và anh Q1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[2.4] Về nợ:** Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

**[2.5] Án phí:** Đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**[2.6] Kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ** vào Điều 28; 35; 147; 235; 266; 271 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

### **Tuyên xử:**

+ **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh T. Chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với anh Lê Ngọc Q1.

+ **Về con chung:** Giao cháu Lê Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 05/8/2010 cho anh Q1 tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Lê Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 02/10/2014 cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Không có.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

+ **Án phí:** Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000,đồng án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000,đồng theo

Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001253 ngày 18/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Tịnh. Chị T đã nộp đủ án phí.

+ **Kháng cáo:** Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh;
- UBND xã Tịnh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nga**

